

HỆ THỐNG LUẬT PHÁP TRIỀU LÝ VÀ TRIỀU TRẦN CỦA VIỆT NAM MỐI QUAN HỆ GIỮA “ĐƯỜNG LUẬT” VÀ “LÊ TRIỀU HÌNH LUẬT”

YU INSUN*

I

Sử sách ghi lại rằng triều Lý (1009-1225) và triều Trần (1225-1400) của Việt Nam đều có ban bố *Hình Thư*. Nhưng cho đến thế kỷ XVIII, hai bộ luật này hầu như không còn nữa nên ngày nay việc nghiên cứu luật pháp của hai vương triều này gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, chúng tôi chỉ có thể gộp nhặt những tài liệu tìm được trong các tư liệu liên quan đến triều Lý và triều Trần để tái hiện lại hệ thống luật pháp của hai vương triều này.

Đối diện với mặt hạn chế đó, bài nghiên cứu này đặt trọng tâm vào Chế độ Ngũ hình là hệ thống hình phạt tương đối rõ nét của hai vương triều bao gồm si hình, trượng hình, đồ hình, lưu hình và tử hình rồi so sánh với các loại hình phạt của *Đường luật* của Trung Quốc để làm sáng tỏ những điểm giống và khác nhau giữa chúng. Sau đó lại so sánh chúng với Chế độ Ngũ hình trong *Lê triều Hình luật* (*Le Code*) để thấy luật pháp của hai vương triều này đã được tiếp nối như thế nào. Tóm lại, bài viết này sẽ đặt trọng tâm nghiên cứu vào mối liên quan từ *Đường luật* trải qua triều Lý, triều Trần cho đến *Lê triều Hình luật*.

Bộ luật lâu đời nhất của Việt Nam còn

lại cho đến ngày nay là *Quốc triều Hình luật*. Bộ luật này được biết đến nhiều hơn với tên gọi *Lê triều Hình luật*, được chế định từ thời vua Lê Thánh Tông (1428-1788) và trở nên hoàn chỉnh hơn qua vài lần sửa chữa. *Lê triều Hình luật* gần như được mô phỏng từ *Đường luật* của Trung Quốc cả về nội dung lẫn thể chế, nếu nói rõ hơn thì nó còn được thêm thắt nhất định theo luật pháp triều Minh và còn chịu đôi chút ảnh hưởng của luật pháp triều Tống (1). *Lê triều Hình luật* còn phản ánh cả những phép tắc trong tập quán cổ hữu của Việt Nam vốn không tồn tại trong luật pháp Trung Quốc nên nó là bộ luật không thể bỏ qua khi nghiên cứu tính chất của xã hội Việt Nam tiền cận đại.

Khác với hai vương triều trước đó là triều Lý và triều Trần vốn rất sùng bái Phật giáo và Đạo Giáo, triều Lê chọn Nho giáo làm tư tưởng thống trị. Mặt khác, Thánh Tông, vua đời thứ 4 nhà Lê đã mô phỏng chế độ hành chính của Hồng Vũ Đế nhà Minh, thực hiện chính sách Hoàng đế trung ương tập quyền hoá. Vậy thì lý do nào khiến cho vua Thánh Tông chấp nhận chế độ nhà Minh - triều đình cùng thời đại với mình trong chính sách hành chính còn với luật pháp thì lại áp dụng theo nhà Đường - triều đại có bước phát triển hơn

*GS. Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc)

nhiều so với nhà Minh? Học giả Makino Tatsumi người Nhật từ rất lâu đã cho rằng đó là vì *Lê triều Hình luật* kế thừa hình luật của triều Lý và triều Trần (2). Nhưng ông không có chứng cứ cụ thể cho điều đó. Lấy một ví dụ như hình luật thích mặc hay lăng trì có trong *Lê triều Hình luật* không có trong *Đường luật* và đã được xác định là hình luật của thời nhà Tống nhưng đã được sử dụng ở hai vương triều Lý, Trần. Do đó người viết bài này cho rằng *Lê triều Hình luật* tuy đã phần nào tham khảo những quy định của triều Tống thông qua luật của nhà Lý, Trần nhưng về mặt cơ bản nó đã tiếp thu luật pháp nhà Đường (3).

Sở dĩ Lê Thánh Tông đã có thể áp dụng trực tiếp chế độ của nhà Minh trong các chính sách hành chính là vì triều Lý và triều Trần không có một chế độ nào đủ mạnh cho tập quyền trung ương của hoàng đế. Nhưng chúng tôi cho rằng về mặt luật pháp thì hai vương triều này đã có bộ luật có thể hậu thuẫn cho uy quyền của hoàng đế nên đã chủ định không theo *Minh luật* mà chỉ tham khảo đôi chút.

Nguyễn Ngọc Huy trích dẫn theo Phan Huy Chú và Lê Quý Đôn rằng Nguyễn Trãi tiếp lệnh hoàng đế cải biên *Lê triều Hình luật* chia ra thành 6 cuốn *luật thư* vào thời Đại Bảo (1440-1442) của Thái Tông (4). Xem việc Phan Huy Chú (1782-1820) đã gọi việc chế định *luật thư* là “san định” nên chúng tôi cho rằng bộ luật của Nguyễn Trãi đã chỉnh sửa, cải biên luật triều Lý hay triều Trần là những vương triều trước đó cho phù hợp với hiện thực. Theo như chúng tôi sẽ trình bày sau đây, có ghi chép rằng triều Lý và triều Trần đã ban bố *Hình thư* của triều đại mình nên xem xét văn mạch hay thời kỳ có thể chắc chắn rằng Nguyễn Trãi đã sử dụng chúng. Nhưng Lê Quý Đôn (1726-1784) cho rằng những luật này đến

nay không còn được lưu truyền nữa nên có lẽ từ trước thế kỷ XVIII hay lúc nào đó chúng đã bị thất lạc không còn nữa (5).

Vấn đề đặt ra ở đây là luật pháp của triều Lý và triều Trần có đúng là đã tiếp thu của *Đường luật* hay không. Cuối những năm 80 thế kỷ XX, Katakura Minoru đã công bố nghiên cứu chi tiết về Hình luật của triều Lý và triều Trần (6). Nhưng ở nghiên cứu này của ông có không ít những điểm chưa đạt như về mối quan hệ với *Lê triều Hình luật* hay về mối quan hệ của *Đường luật* với luật của triều Lý và triều Trần. Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài đã dịch *Lê triều Hình luật* sang tiếng Anh cũng có đề cập đến luật pháp triều Lý và triều Trần nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức đề cập chung chung đến mối quan hệ với *Lê triều Hình luật* hay *Đường luật* (7). Người viết bài này sẽ dựa trên cơ sở tham khảo hai công trình nghiên cứu này, và sẽ đi sâu tìm hiểu xem luật pháp triều Lý và triều Trần có điểm nào tiếp nhận của *Đường luật*, hay điểm nào đã gây ảnh hưởng đến luật pháp triều Lê. Trong bài nghiên cứu này, tình hình chính trị, xã hội của triều Lý và triều Trần đương nhiên rất quan trọng trong việc làm sáng tỏ tính liên tục của văn hóa trong xã hội truyền thống Việt Nam. Do đó chúng tôi tin rằng nó sẽ có tác dụng giúp chúng ta hiểu hơn về thái độ tiếp nhận văn hóa Trung Quốc của người Việt Nam.

II

Bộ luật có tính hệ thống đầu tiên được ban bố ở Việt Nam là vào năm 1042 thời vua Thái Tông triều Lý. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí (Hiến chương)* và *Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư)* thì vào năm này quyển 1 *Hình thư* được ban bố, nhưng ở *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn thì lại

chép là quyển 3 *Hình thư* (8). Trong *Hình thư* này, sau khi Ngô Quyền giành lại độc lập từ Trung Quốc và xây dựng vương triều đã định ra luật lệnh, trong *Việt Giám thông khảo tổng luận* và *Toàn thư* có ghi lại rằng Lê Hoàn ở thời Tiền Lê (980-1009) năm 1002 cũng làm ra luật lệnh (9), nhưng không thấy điều này ở trong các ghi chép khác. Vì lẽ đó Katakura cho rằng việc có tồn tại những luật lệnh này hay không không rõ ràng và giả như trên thực tế những luật lệnh này có tồn tại đi nữa thì “chúng cũng chỉ là những quy định đơn giản thể hiện quy tắc hình phạt chứ không phải là những bộ luật có tính hệ thống” (10). Thế nhưng như trích dẫn sau đây cho thấy, người viết bài này cho rằng những luật lệnh trước triều Lý chắc chắn có tồn tại chỉ có điều nội dung của chúng còn đơn giản.

Toàn thư và *Hiến chương* đã ghi chép như sau về ban bố *Hình thư* của Lý Thái Tông (11):

Ngay từ đầu các vụ kiện cáo trong thiên hạ đã rất phức tạp, các quan lại thi hành luật chỉ chú ý đến các điều luật và ra sức xử phạt mạnh mẽ, thậm chí dẫn đến việc lạm dụng quá độ những quy định pháp luật. Hoàng đế coi đó là điều đáng tiếc, bèn lệnh cho Trung thư tỉnh soạn thảo luật lệnh, sửa đổi nó cho hợp với thời đại, đồng thời phân chia chúng theo từng chủ đề, đặt ra từng điều mục làm thành *Hình thư* của vương triều để cho người đọc dễ hiểu. *Hình thư* được hình thành và ban bố, dân chúng cũng trở nên thoải mái. Từ đó việc vận dụng luật pháp đã trở nên minh bạch hơn. Do đó vua Thái Tông để kỷ niệm việc chế định ra *Hình thư* đã đổi niên hiệu thành Minh Đạo và cho đúc tiền Minh Đạo.

Các điều luật đang nói tới ở đây phải chăng là đã dựa vào các luật lệnh của thời

đại trước đó. Có ý kiến cho rằng các quân chủ triều Lý đã dựa vào năng lực cá nhân hay sức mạnh của tôn giáo như Đạo giáo, Phật giáo và các anh hùng trong quá khứ hay tín ngưỡng dân gian truyền thống... để trực tiếp thống trị vùng trung tâm của đồng bằng sông Hồng (12). Nhưng trên phương diện hiện thực chính trị, luật pháp là cần thiết và do đó *Hình thư* đã được chế định như trên đã nói. Bộ luật *Hình thư* này thông qua thời kỳ trước là triều Lý đã chiếm một vị trí quan trọng như là bộ luật cơ bản. Năm 1157, dưới thời Lý Anh Tông đã ban bố một số luật mới, hoàn thiện những điểm thiếu sót của *Hình thư* (13). Nhưng *Hình thư* không còn tồn tại ngay ở thời kỳ của Phan Huy Chú nên hiện tại không thể biết được nội dung đó. Do đó mà việc nghiên cứu luật pháp triều Lý dựa vào đó là không thể thực hiện được. Nhưng may mắn là ở các tài liệu như *Toàn thư* hay *Việt sử lược* và một số tài liệu khác có đề cập đến luật pháp triều Lý và đặc biệt là một chút nói về Hình pháp nên cũng có thể đoán được phần nào nội dung của luật triều Lý.

Về mặt tư tưởng thống trị, triều Trần cũng nhấn mạnh Phật giáo nhưng Trần Thủ Độ - người kiến thiết vương triều trên thực tế là một nhân vật vô cùng nhạy bén với tình hình chính trị thời cuộc nên đã nhanh chóng chế định luật pháp đồng thời với việc kiến quốc. Trong *Toàn thư*, có sự kiện viết rằng vào 1226 là năm sau năm kiến quốc “luật Lệnh” và “Điều Lệ” được định ra. Có lẽ đó là những điều luật đơn giản cần thiết được chế định để phục vụ ngay cho việc thống trị (14). Như vậy việc triều Trần chính thức chế định luật pháp 4 năm sau là sự thật rõ ràng. Dựa trên cơ sở tham khảo luật tiền đại, vào năm thứ 6 Kiến Trung (1230) thời Thái Tông, Quốc

triều thông chế được chế định, cùng với nó *Hình luật* và *Lễ nghi* cũng được cải tiến tất cả là 20 cuốn (15). Toàn bộ Bộ luật 20 cuốn cho thấy sự cố gắng rất lớn trong việc chế định luật. *Hình luật* là một phần trong 20 cuốn đó song không rõ nó gồm bao nhiêu cuốn. Trong *Hiển chương*, phần *Hình luật chí*, Phan Huy Chú cho rằng khi chế định *Quốc triều Hình luật* vào năm thứ 6 Kiến Trung thời Thái Tông nó đã được tham khảo những quy định của vương triều trước đó (16). Nếu so sánh nó với bài viết trong *Toàn thư*, thì không rõ có phải *Quốc triều Hình luật* là chỉ *Quốc triều thông chế* hay nó được gọi là *Hình luật*. Nhưng một sự thật quan trọng là có nhiều khả năng *Hình luật* này đã được tham khảo tất cả các luật trước đó bao gồm cả những điều lệ và luật lệnh khi xây dựng triều Trần, *Hình thư* của triều Lý là vương triều trước đó, các bộ luật của triều Tống và *Đường luật* Trung Quốc được biết tới ở Việt Nam thời đó, và trong 100 năm sau đó nó đã trở thành luật cơ bản của triều Trần. *Hình luật* này được thực hiện chưa được 20 năm thì không biết là do có sự thiếu sót trong các điều luật hay có vấn đề gì đó khi phân tích mà Thái Tông Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 13 (1244) đã bổ sung pháp lệnh mới (17).

Theo *Toàn thư*, năm 1341, ngay sau khi lên ngôi, Dụ Tông đã cho Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn tiến hành sửa chữa phần lớn và cho ban bố *Hình thư* mới (18). *Hình luật* đầu triều Trần trong quá trình thi hành 100 năm đã phát hiện ra những vấn đề và dường như cần phải có một *Hình luật* mới để theo kịp những thay đổi của thời đại. Văn tịch chí của *Hiển chương* và Nghệ văn chí của *Đại Việt thông sử* nằm trong quyển 1 của *Hình thư* (19), điều đó cho thấy *Hình luật* thời kỳ đầu của triều Trần cũng chính là cuốn 1.

Vào thế kỷ XIII, *Hình thư* và *Hình luật* của triều Trần chưa được truyền bá nên chúng ta không thể biết được pháp luật triều Trần như thế nào. Chúng ta chỉ có thể tìm hiểu nó thông qua phần được đề cập đến về luật pháp trong *Toàn thư*. Nhưng nội dung đề cập đến luật pháp triều Trần ít hơn rất nhiều so với triều Lý nên cũng rất khó để biết được nội dung của chúng. Nhưng rất may mắn là trong *An Nam chí lược* quyển 14 của Lê Tắc có hạng mục hình chính, thêm nữa luật pháp của triều Trần có tham khảo luật pháp của triều Lý nên những điều đó cũng giúp ích rất nhiều cho việc tìm hiểu tính chất luật pháp triều Trần.

Phan Huy Chú so sánh luật của triều Lý và triều Trần cho rằng triều đình trước đã tương đối khoan nhượng nhưng trái lại triều đình sau lại hà khắc (20). Năm 1064, Lý Thánh Tông đã chỉ công chúa đang đứng cạnh mà ra lệnh cho quan lại quy định hình phạt như sau (21): “Tình yêu của ta dành cho công chúa là tấm lòng của cha mẹ, giống như tình cảm của ta đối với bách tính vậy. Bách tính do không biết mà phạm tội, thật đáng thương, sau này đừng có kể mức độ nặng nhẹ của tội mà hãy xử phạt khoan dung”. Luật pháp triều Lý khoan nhượng như vậy là do ảnh hưởng của Phật giáo. Có ghi chép rằng Thái Tông năm 1040 sau khi kết thúc Pháp Hội đã ban lệnh ân xá phóng thích các tội nhân mức phạt tội đồ, lưu (22), điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo. Thái Tông năm 1096 đã không xử Lê Văn Thịnh phạm tội mưu phản tử hình mà chỉ cho đi lưu đày, Ngô Sĩ Liên người viết *Toàn thư* đã bình rằng đó là vì Thái Tông rất sùng bái đạo Phật (23). Và một sự thật được biết đến rộng rãi là các quân vương triều Lý trong thời gian tại vị đã xây dựng rất nhiều chùa chiền.

Sự hà khắc của luật pháp triều Trần rõ ràng là do ý của Trần Thủ Độ. Đây là nhân vật mà để củng cố vương thất nhà Trần có thể không ngần ngại thực hiện cả những việc phi đạo đức. Khi hoàng hậu Phật Kim và Trần Thái Tông không có con cháu nối dõi, Trần Thủ Độ đã bàn với vua lập Thuận Thiên công chúa là chị của Phật Kim khi đó đã xuất giá với Trần Liễu là anh của Thái Tông và đang mang thai lên làm hoàng hậu của Thái Tông đồng thời phế vị Phật Kim. Một con người như vậy không có lý nào lại dung nạp những hành động hay thể lực đi ngược lại sự an toàn của triều Trần. Bởi vậy mà ngay cả trong tưởng tượng ông cũng không thể chấp nhận được việc ân xá cho các hoàng tử dám thách thức với vương quyền xung quanh chuyện kế thừa vương vị ở triều Lý (24).

Chúng tôi cho rằng việc Trần Thủ Độ đặt ra những hình luật hà khắc là do ý đồ muốn phòng ngừa trước những âm mưu phản nghịch với vương quyền trong thể chế thống trị của triều Trần vốn lấy trọng tâm là quý tộc hoàng thất. Trong quy định xử phạt đối với tội mưu phản có trong hình chính của *An Nam chí lược* thì không có tiền lệ không chỉ bản thân người đó mà cả thân tộc cũng phải chết cũng là xuất phát từ lý do này (25). Ở triều Lý người phạm tội mưu phản thì chỉ người đó bị xử tử hình (26). Hình phạt của triều Lý tương đối nhẹ, theo những ghi chép sau này thì là do triều Lý vẫn chịu rất ít ảnh hưởng của Nho giáo nên khái niệm thân tộc không mạnh mẽ như ở Trung Quốc. Quy định giết thân tộc ở *An Nam chí lược* rõ ràng là đã tham khảo của *Đường luật* và cũng được áp dụng ở *Lê triều Hình luật* sau này (*Đường luật* điều 248, *Lê luật* điều 411) (27). Trong số thập ác là mười tội nặng nhất, thứ nhất là tội mưu phản xã tắc tức là nói đến âm mưu phá hoại vương triều. Vừa cấm nô lệ tổ giac

chủ nhân nhưng riêng tội mưu phản được quy định là trường hợp ngoại lệ cũng là theo mạch lạc đó. Do đó thời Minh Tông (1314-1329), bố của hoàng hậu là Trần Quốc Chấn bị tố cáo mưu phản do chính nô lệ của mình đã tự kết liễu mạng sống (28). Khái niệm này được vay mượn từ *Đường luật* và tiếp nối đến *Lê triều Hình luật* (*Đường luật* điều 349, *Lê triều Hình luật* điều 504). Mặt khác, việc xử trượng hình đến chết với người đánh bạc mà không phải mưu phản (29) vào năm Hưng Long thứ 4 thời Nhân Tông (1296) cho thấy sự tàn khốc của luật pháp triều Trần (30).

Như đã trình bày ở trên, bộ luật của triều Lý và triều Trần chủ yếu là Hình luật giống như tên gọi của nó. Hình luật này chịu nhiều ảnh hưởng của luật Trung Quốc. Các luật của Trung Quốc “luôn luôn trong phạm vi có thể cố gắng tìm ra tất cả những điều vi phạm đối với bất kỳ hành vi phạm tội nào để đưa ra những quy định xử phạt thích hợp đối với mỗi vi phạm” (31). Do đó các điều luật trong những bộ luật này được trình bày dưới dạng “Người có hành vi phạm tội là X nhận hình phạt là Y” (32).

III

Ở luật Trung Quốc tính chất của Hình luật rất mạnh nên ngay trong phần đầu tiên của bộ luật đã đưa vào các loại hình phạt. Chịu ảnh hưởng của luật Trung Quốc nên luật Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Do đó trước tiên chúng tôi so sánh Ngũ hình trong *Lê triều Hình luật* với *Đường luật*, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa chúng, sau đó khảo sát xem luật của hai vương triều Lý, Trần có mối liên quan như thế nào với những điểm giống và khác nhau đó.

Hệ thống hình luật cơ bản của *Đường*

luật có ảnh hưởng lớn nhất đến luật Việt Nam, nếu phân loại chúng theo ngũ hình chế thì bao gồm si hình 5 mức, trượng hình 5 mức, đồ hình 5 mức, lưu hình 3 mức, tử hình 2 mức (*Đường luật*, điều 1-5). Hình luật của *Lê triều Hình luật* cũng có ngũ hình chế là si hình 5 mức, trượng hình 5 mức, đồ hình 3 mức, lưu hình 3 mức, tử hình 3 mức (điều 1). Nhìn hình thức thì sự khác nhau giữa *Hình luật* của *Lê triều Hình luật* với *Đường luật* chỉ là đồ hình chỗ có 5 mức chỗ có 3 mức, tử hình chỗ có 2 mức và chỗ có 3 mức. Nhưng nếu xem kỹ thì sẽ có thể phát hiện thấy rất nhiều điểm khác nữa. Thứ nhất, đó là ở trượng hình, *Đường luật* áp dụng không phân biệt nam nữ nhưng ở *Lê triều Hình luật* thì chỉ áp dụng với nam giới. Thứ hai, ở đồ hình, *Đường luật* có sự khác nhau về số năm ở Hình luật là 1 năm; 1 năm rưỡi; 2 năm; 2 năm rưỡi; 3 năm. Về điều này, *Lê triều Hình luật* cũng phân biệt nam nữ, nam giới chia thành 3 mức là dịch đình, tượng phùng bình, chủng điền bình, nữ giới cũng có 3 mức là dịch phụ, xuy thất tì, thung thất tì. Ở dịch đình và dịch phụ, trượng hình và si hình và ở hai mức nặng hơn quy định với nam giới là trượng hình và đóng dấu vào cổ (thích mặc), với nữ giới là si hình và đóng dấu vào cổ. Thứ ba, về lưu hình, ở *Đường luật* quy định theo khoảng cách là 2000 dặm - 2500 dặm - 3000 dặm, còn Việt Nam do lãnh thổ nhỏ nên *Lê triều Hình luật* chia thành cận châu, ngoại châu, viễn châu, với nam giới quy định nhận hình phạt trượng hình và thích diện, nữ giới là si hình và thích diện. Cuối cùng, với hình phạt tử hình, ở *Đường luật* có hai mức là giảo và trảm, nhưng ở *Lê triều Hình luật* chia thành 3 mức, giảo và trảm cho là một mức, ngoài ra còn thêm kiêu và lãng trì.

Bây giờ thông qua hệ thống hình phạt của triều Lý và triều Trần chúng ta xem

xét lý do dẫn đến những điểm khác nhau trên. Katakura cho rằng Hình pháp của triều Lý cũng có nền tảng cơ bản của Hình luật là Ngũ hình giống như *Đường luật*, ngoài ra còn có hình phạt chặt đầu (33). Chúng tôi cho rằng cũng không phải là vô lý khi Katakura cho rằng *Hình thư* của triều Lý dù có tham khảo luật lệnh của Ngô Quyền hay Lê Hoàn đi chăng nữa thì do chúng vô cùng sơ lược nên nhiều khả năng nó được tham khảo *Đường luật* (34).

Duy có trường hợp áp dụng si hình được đặt nhiều câu hỏi bởi không hề tìm thấy ở bất cứ tư liệu nào có liên quan đến triều Lý cả. Nếu xem xét đến si hình ở *Đường luật* được chia thành 5 mức theo độ tuổi 10, 20, 30, 40, 50 thì có lẽ việc coi là ở triều Lý cũng có si hình là không đúng. Xem *Toàn thư* có ghi vào thời Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 4 (1042) Lý Thái Tông xử người không giữ đúng lời thề 50 trượng (35). 50 trượng nói đến ở đây không rõ là viết nhầm của 50 si hay là phải phân tích theo đúng như ghi chép. Katakura nói thấy trong *Khâm Định Việt sử thông giám Cương mục (Cương mục)*, Lý Thái Tông Thiên Thành nguyên niên (1028), ở lễ huyết minh có trường hợp phạt người bỏ trốn 50 trượng, và bình luận rằng triều Lý rất coi trọng trượng hình và áp dụng rất nhiều nên chắc chắn là 50 trượng (36). Người viết *Toàn thư* hay *Cương mục* đều là những người biết chính xác khái niệm si hình và trượng hình, phải chăng ở triều Lý hệ thống hình phạt si và trượng vẫn chưa rõ ràng, vậy cũng không loại trừ khả năng có sự nhầm lẫn giữa 50 trượng và 50 si. Phỏng đoán này rõ ràng cũng được thấy trong trượng hình đối với nữ giới sẽ bàn tới trong phần sau.

Các tư liệu liên quan đến triều Trần hoàn toàn không thấy có hình phạt giống như si hình. Nhưng luật pháp triều Trần

nếu coi là có tham khảo cả luật triều Lý và *Đường luật* thì phải chăng coi sự tồn tại của si hình là đúng. Trong các hình phạt của triều Lý thì trường hợp xuất hiện nhiều nhất là trượng hình. Đương nhiên là có trường hợp 50 trượng như đã trình bày ngoài ra còn có cả những trường hợp 60, 80, 100 trượng (37). Trên thực tế không có thực lệ 70 và 90 trượng nhưng ở thời Lý Thái Tông Minh Đạo năm thứ 2 (1043) xử phạt người bán dân hoặc hoàng nam cho người khác làm nô lệ bị xử 100 trượng và thích diện 20 chữ, người biết điều này mà vẫn mua xử phạt giảm đi một mức (38). Tôi cho rằng ở đây, theo quy định của *Đường luật* thì giảm nhất đẳng tương ứng với 90 trượng. Căn cứ vào đó thì tuy không thấy có trường hợp 70 trượng nhưng chắc chắn cũng có trong quy định.

Như đã thấy ở trên, điều đáng chú ý liên quan đến Trượng hình là từ hình phạt đóng dấu (thích mặc) chuyển thành thích diện (đóng dấu lên mặt) (39). Số chữ là 10, 20, 30, 40 và 50 chủ yếu tương ứng với trường hợp hình từ 80 trượng trở lên. Ví dụ như năm 1043, Lý Thái Tông ban sắc lệnh xử 100 trượng và thích diện 50 chữ đối với lính bỏ trốn trên 1 năm (40). Nhưng cũng cần phải lưu ý cùng là hình phạt 80 trượng hay 100 trượng không nhất thiết phải có cả thích diện, số chữ thích diện cũng có trường hợp 20 hoặc 50 chữ tùy theo mức độ nặng nhẹ của tội. Cùng năm đó Thái Tông đã áp dụng hình phạt 100 trượng và thích diện 20 chữ đối với người bán dân làm nô lệ (41). Thích mặc chủ yếu thực hiện trên mặt nhưng cũng có trường hợp làm ở cánh tay. Lý Anh Tông năm 1162 ra lệnh “xử phạt 80 trượng và đồng thời thích mặc 23 chữ vào cánh tay trái đối với người tự tiện” (42). Đây là trường hợp đặc biệt, không rõ tại sao lại là thích mặc ở cánh tay và số chữ lại là 23. Phải chăng thích mặc lên cánh tay là

do đã dùng tay để phạm tội, còn 23 chữ thì là một sự ngẫu nhiên.

Ở *Lê triều Hình luật*, thích mặc hình không phải chịu kèm theo với trượng hình, trong 3 mức của đồ hình chỉ có mức thứ 2 trở lên mới quy định xử phạt 80 trượng và thích mặc từ 2 đến 4 chữ ở cổ. Hơn nữa, thích diện trong trường hợp của lưu hình là hình phạt nặng hơn đồ hình, trượng hình từ 90~100 trượng cùng với 6-8-10 chữ (điều 2 và điều 9). Như vậy là số chữ ở luật thích diện của triều Lý là quá nhiều, và không có khả năng thực hiện trên thực tế nhưng ta không thể hiểu được lý do của điều này. Ở thời nhà Lý phong tục xăm mình có được thực hiện vì vậy mà chúng tôi cho rằng phải chăng làm như vậy là để phân biệt cho rõ ràng với phong tục xăm mình. Nếu không thì như đã nói ở trên không phải không có khả năng triều Lý vẫn chưa xây dựng được một hệ thống như luật Trung Quốc mà chỉ có những quy định như vậy.

Thích mặc hình cho đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều ở Trung Quốc vẫn là 1 chế độ hình phạt nhưng đến thời nhà Đường và Tuỳ thì tạm thời bị phế bỏ, năm 940 được khôi phục lại và đến cuối nhà Thanh cũng không có thay đổi gì (43). Như vậy, thích mặc trong luật pháp triều Lý được tiếp nhận từ chế độ của triều Tống chứ không phải từ *Đường luật*. Tuy nhiên cũng không phải từ bộ luật cơ bản của nhà Tống là *Tống Hình Thống*. Vì trong *Tống Hình Thống* thân tộc tương ứng với nhất niên phục gọi là chu thân nhưng luật triều Lý thì lại dùng từ kì thân giống như *Đường luật* (44).

Tống Hình Thống đã sao y nguyên *Đường luật*, cũng có nghi vấn cho rằng phải chăng luật của triều Lý đã kế thừa *Tống Hình Thống* là bộ luật cùng thời, nhưng sự khác nhau của các thuật ngữ trên đã xóa

bỏ hoàn toàn suy luận đó.

Ở triều Trần cũng đã có tượng hình nhưng số lần xuất hiện trong tư liệu cực kỳ ít. Ở *Toàn thư* cũng chỉ thấy 2 lần, lại là bài báo về quan lại và thân tộc bên ngoại liên quan đến phạm tội bị xử đánh roi và phóng thích (45), tượng hình thì không rõ ràng có đúng là 5 mức 60-70-80-90-100 tượng hay không. Nhưng vấn đề này xem ở hình chính trong *An Nam chí lược* thì sẽ giải đáp được ngay. Người sát hại quan lại bị xử bồi thường và 80 hoặc 60 tượng (46). Ta có thể thấy cũng giống như triều Lý, thích diện cũng được thi hành cùng với tượng hình. Người phạm tội ăn cướp nếu là lần đầu thì phạt 80 tượng và thích diện 2 chữ phạm đạo. Số chữ thích diện ít hơn hẳn triều Lý nên có cảm giác phù hợp với thực tế hơn. Cuối cùng, tượng hình của triều Trần cho thấy hiện tượng giống như thời kỳ quá độ của tượng hình trong *Lê triều Hình luật* và chế độ của triều Lý.

Một điều nữa phải đề cập tới trong tượng hình của triều Trần và triều Lý là sự không phân biệt nam nữ. Như đã nói ở trên, tượng hình trong *Lê triều Hình luật* chỉ áp dụng với nam giới. Nếu vậy thì những ví dụ có trong tư liệu của triều Trần và triều Lý phải chăng tất cả đều là các trường hợp của nam giới? Hay ở Hình pháp vẫn chưa có sự phân biệt nam nữ và liệu trên thực tế áp dụng có khả năng khác đi không?

IV

Luật của triều Lý về đồ hình có rất nhiều điểm không rõ ràng. Không có cả kỳ hạn rõ ràng, chỉ thuật là đồ tội, có khi liên quan đến đồ hình có những tên gọi cụ thể là khao giáp, diễn hoành, binh, tang thất phụ (47). Nếu suy đoán theo những tên gọi này thì có lẽ đây là những hình phạt liên

quan đến những ngành nghề lao động. Ví dụ như thời Nhân Tông năm 1117 có quy định xử người ăn trộm bò giết thịt vào đồ hình khao giáp với 80 tượng và vợ của người đó vào đồ hình tang thất phụ với 80 tượng đồng thời phải bồi thường tiền con bò (48). Khao giáp có nghĩa là tù nhân nam giới làm nghề như nấu bếp hay lao động trong quân đội, có ý nghĩa giống như khao dinh trong dịch dinh của *Lê triều Hình luật*. Tang thất phụ được giải thích có nghĩa là tù nhân nữ đảm nhiệm công việc nuôi tằm. Katakura phân tích rằng diễn hoành tương ứng với chủng diễn binh trong *Lê triều Hình luật* là một loại đồ hình làm việc trên đất sở hữu của quốc gia (49). Có thể coi là hợp lý nếu coi Binh tương ứng với chủng diễn binh hoặc tượng phường binh trong *Lê triều Hình luật*. Nếu vậy thì coi như trong đồ hình của triều Lý có 3 mức nhưng chỉ có một tên gọi là “Binh”, đây là chứng cứ cho thấy rằng hệ thống luật pháp của triều Lý không rõ ràng.

Ở Việt Nam việc sử dụng những người bị khép vào đồ hình làm lực lượng lao động phải chăng là do ý đồ bổ sung cho việc thiếu nhân lực thời đó. Vào triều Lý cuộc chiến tranh với Champa, nay nằm ở miền Trung Việt Nam, một mặt để mở rộng lãnh thổ, ngoài ra thì một mục đích quan trọng khác nữa đó là bắt tù binh, điều đó cho thấy việc tìm kiếm nguồn nhân lực lao động cũng rất quan trọng (50).

Điều thú vị trong quy định thời Nhân Tông năm 1117 nằm ở điểm khác nhau giữa hình phạt cho nam nữ. Sự khác nhau này được lý giải là do vai trò của nữ giới được phân biệt với nam giới trong xã hội truyền thống của Việt Nam. Trên thực tế phụ nữ từ thời cổ đại đã rất đảm đang.

Một mặt khi áp dụng đồ hình, có trường hợp thực hiện tượng hình hoặc cả tượng

hình và thích diện (51). Như đã đề cập ở trên, thích mặc chịu ảnh hưởng của hình phạt nước Tống, trường hợp đồ hình, tượng hình chủ yếu phạt từ 80 trượng trở lên, nên có thể coi đồ hình là trọng hình. Mặt khác quân sỹ chịu đồ tội trốn vào rừng lấy trộm đồ của người khác xử phạt 100 trượng và thích diện 30 chữ, người giữ trấn hay trại nếu bỏ trốn cũng cùng tội như trên. Đây là trường hợp đặc biệt trọng tội trong đồ hình.

Liên quan đến đồ hình có một điều phải đề cập tới là vấn đề phối hình. Thuật ngữ phối dịch hay thích phối đặc biệt thịnh hành ở triều Tống, đặc biệt tùy theo từng trường hợp có thể là hình phạt nặng hơn lưu hình (52) nhưng ở triều Lý cũng đã thực hiện như thế hay không thì còn là điều nghi vấn. Có ghi chép về việc Đỗ Anh Vũ, người từng nắm quyền lực khi Anh Tông còn nhỏ đã bị xử lưu phối bằng cách làm điên nhĩ tại Cảo xã vào năm 1150 (53). Nhưng trong *Việt sử lược* lại thấy ghi rằng Đỗ Anh Vũ bị xử đồ hình (54). Hay trong *Toàn thư*, thời Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 6 (1230) có sự khác nhau ở đồ tội, người phạm tội tương đương với tội trung gian xử vào đồ hình tại điện hoành tại Cảo xã tức là phải canh tác trên công điền (55). Do đó phối hình ở triều Lý không phải hình phạt nặng như ở triều Tống mà dường như chỉ nên coi là một loại của đồ hình. Nhưng thuật ngữ đó chắc chắn là được mượn từ nhà Tống (56).

Như đã thấy trong bài viết về Trần Thái Tông năm Kiến Trung thứ 6 ở trên, ở triều Trần cũng có đồ hình. Xem xét nội dung bài viết đó cụ thể hơn như sau. Ở đồ tội quy định cho khác đi, người tương ứng với đồ tội ở mức độ trung gian bị khép vào làm tại hoành điền của Cảo xã, thích mặc vào mặt 6 chữ, và phải canh tác trên công điền của

Cảo xã. Người bị khép vào đồ hình của lao thành binh bị thích mặc vào cổ 4 chữ và phải đi nhổ cỏ ở Phụng Thành (Thăng Long, Hà Nội bây giờ).

Theo như bài viết này thì đồ hình gồm vài loại, những người bị xử hình phạt này phải làm nô dịch. Nhưng đồ hình không rõ gồm những loại nào. Cách dùng từ “trung tội” ở trên cho thấy có khả năng gồm 3 mức. Thích mặc vào mặt hay vào cổ cũng được thi hành, nhưng số chữ thì ít hơn rất nhiều so với triều Lý như trường hợp tượng hình đã nói đến ở trên và có phần gần hơn với *Lê triều Hình luật*. Ngoài ra cũng phát hiện được những bài báo viết về đồ hình ở nhiều nơi trong *Toàn thư*. Nhìn chung là miễn tội tử hình và xử vào đồ hình với các tên gọi như khao giáp binh, xã binh, thang mộc binh... Điều thú vị là đồ hình phải bị đưa ra cửi chân châu (57). Nếu hình phạt nặng cũng có thể bị cho đi thật xa. Trên thực tế trong *An Nam chí lược* có ghi chép rằng “người làm hàng giả bất hợp pháp bị xử thích mặc, đánh roi và phải đi làm khổ sai ở tỉnh xa” (58).

Hình phạt nặng hơn đồ hình là lưu hình. Trong luật pháp triều Lý tìm thấy các trường hợp lưu hình như sau. Lý Thái Tông Minh Đạo năm thứ 2 (1043) xử kẻ cướp đồ rồi làm chủ nhân bị thương vào lưu tội. Có ghi chép rằng vào năm sau đó các binh lính bỏ trốn đã bị xử theo 3 loại lưu tội (59). Cuối cùng lưu hình địa có lẽ đã được quyết định với 3 mức tùy theo môi trường sinh hoạt có tốt hay không. Lê Văn Thịnh như đã nói ở trên bị lưu hình ra Trại Đầu ở Thao Giang, hiện là phía Tây Sông Hồng Hà Nội, có kí lục ghi lại rằng vào thời Anh Tông năm Đại Định thứ 11 (1150), Đỗ Anh Vũ người nắm quyền lực thời đó đã xử tội lưu hình ra nơi xa điều kiện sống khó khăn (viễn ác xứ) với 30 người gồm cả Dương Tự

Minh là phò mã lang (60). Có ghi chép rằng thời Lý Cao Tông năm 1190, Mạc Hiến Tích bị lưu hình ra Quy Hóa trại (61), trại thường ở những nơi cách xa trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, là đơn vị hành chính một cách hình thức đặt ở những vùng núi cao, nơi chỉ có các dân tộc thiểu số sinh sống và rất khó canh tác lại sợ bị bệnh sốt rét nên người Việt Nam hầu như không sống ở đó. Triều Lý chọn địa điểm lưu hình chú trọng đến điều kiện sống khó khăn hay thoải mái hơn là lưu ý đến khoảng cách xa hay gần là do nhà Lý không thống trị vùng đất rộng lớn như nhà Đường. Trên thực tế triều Lý không phải là vương triều trung ương tập quyền thống trị toàn bộ miền Bắc Việt Nam, mà chỉ là chính quyền địa phương cai trị vùng trung tâm sông Hồng nên cũng chỉ có thể chọn địa điểm lưu hình như vậy (62). Điều này cũng cho thấy luật pháp triều Lý không chỉ đơn thuần mô phỏng y nguyên *Đường luật*.

Việc *Lê triều Hình luật* chia địa điểm lưu hình thành 3 mức là cận châu, ngoại châu, viễn châu rõ ràng là có liên quan đến chế độ của triều Lý. Như đã trình bày ở trên viễn châu tương ứng với viễn ác xứ của triều Lý. Nhưng luật pháp triều Lê phân biệt địa điểm lưu hình theo khoảng cách với trung ương là do triều Lê đang duy trì thể chế trung ương tập quyền thống trị toàn bộ miền Bắc Việt Nam khác với triều Lý. Nhưng do đất đai không rộng như nước Đường nên đã không định ra các mức theo kiểu 2000 dặm hay 3000 dặm, điều này cho thấy rất rõ phương pháp áp dụng luật Trung Quốc của người Việt Nam.

Trường hợp của lưu hình, không thấy có tư liệu nào nói có cùng thi hành tượng hình và thích diện. Nhưng ở đồ hình của triều Lý những hình phạt này đã được thực hiện, hay ở *Lê triều Hình luật* suy luận

rằng đã quy định ở lưu hình rằng tượng hình và thích diện cùng thi hành, ở lưu hình của triều Lý rõ ràng cũng có thi hành tượng hình và thích diện.

Ở triều Trần cũng đã tồn tại hình phạt đi đày. Lưu hình đầu tiên của triều Trần được tìm thấy trong *Toàn thư* là ghi chép vào thời Anh Tông năm Hưng Long thứ 17 (1309). Năm này đã trị những kẻ có dính líu vào đại nghịch tội, đã đưa 6 nhân vật trong đó có Trần Lệ đi đày tới vùng xa nước độc (ác thủy châu); vì Lệ là hoàng tộc xa nên miễn thích diện và 4 nhân vật trong đó có Trần Ô bị xử phạt tội viễn châu. Ác thủy châu là huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay, là nơi mà nếu bị đày đến đó thì không thể sống được (63). Từ bài viết này, có thể biết được về 3 sự thật: Một là có loại hình ác thủy châu và viễn châu; việc thi hành thích diện; sự miễn giảm thích diện cho hoàng tộc, vấn đề này sau này hãy cùng xem xét lại. Ngoài ra, trong *Toàn thư* có nhiều chi tiết chẳng hạn như lưu hình đi trại đầu và lưu hình đi cận châu, lưu hình đi viễn châu... (64). Trại đầu ở đâu thì không thể biết được nhưng lúc đó định phế truất Hồ Quý Ly là người cầm quyền nhưng sự việc bị bại lộ trước nên tất cả những kẻ liên quan đều bị giết hại chỉ có 1 người bị phạt đày đi trại đầu nên có thể suy rằng địa danh có khái niệm tương tự với ác thủy châu như đã nói trên.

Nếu nhìn như thế này, lưu hình của triều Trần có 3 cấp: cận châu, viễn châu, ác thủy châu gần giống với các loại hình của *Lê triều Hình luật* cũng có 3 cấp là cận châu, ngoại châu, viễn châu. Việc thực hiện thích diện đối với tội phạm là có thật, số lượng chữ luôn thấp hơn 10 chữ giống như trong ví dụ về đồ hình. Dù không thấy bài viết nào ghi lại việc xử kèm với tượng hình nhưng ý kiến cho rằng đã xử kèm có lẽ là

đúng.

Trong số ngũ hình, hình phạt nặng nhất là tử hình. Trong *Toàn thư* có ghi chép liên quan đến tội tử hình như việc xử trảm những kẻ cướp đoạt tài sản của những người dân thấp cổ bé họng vào thời Lý Thái Tông Thiên Thành nguyên niên (1028) và cũng có bài viết nói về việc trảm người cầm đầu tộc người Thái là Nùng Tôn Phúc ở đô thị vào năm Thông Thụy thứ 6 (1039). Và vào thời Anh Tông, có bài viết nói về việc trảm và kiêu một phần phe đối lập lúc Đỗ Anh Vũ như đã nói ở trên quay lại nắm quyền cũng như đã bắt giữ tướng quân Nguyễn Khánh và tăng lữ Hồ Thị đem xử thiết nhục tọa cốt tức là cắt thịt và làm gãy xương vào năm thứ 2 Thái Tông Thông Thụy (1035) (65) Nhưng trong *Việt sử lược*, cũng có viết rằng Phạm Khứ Liều mưu phản nên bị xử quả kì nhục tức là bị xé thịt vào năm thứ 5 Thái Tông Thiên Cảm Thánh Vũ (1048) (66). Do có những hình phạt như quả kì nhục và thiết nhục tọa cốt nên ở triều Lý cuối cùng đã có 3 loại tử hình là trảm, kiêu và quả.

Trong chế độ tử hình của *Đường luật* có hai loại là “giảo” và “trảm” nhưng vì sao trong hình phạt tử hình ở triều Lý lại thêm vào “quả hình” là một loại thuộc “lăng trì” để hình thành 3 loại khác với *Đường luật*? Hơn nữa trong hình luật của triều Lý thật sự là không có “giảo hình” hay không? Việc phân biệt giữa “giảo” và “trảm” trong *Đường luật* có lẽ có liên quan đến ảnh hưởng của Nho giáo (67). Vì việc chặt một phần cơ thể trong Nho giáo được coi là tội bất hiếu nên trong luật Trung Quốc “giảo” và “trảm” khác nhau nhưng ở Việt Nam ảnh hưởng của Nho giáo ít hơn nên khả năng không phải như vậy là rất lớn. Theo đó, luật của triều Lý không phân chia riêng biệt và tôi nghĩ là chỉ đặt “trảm hình” thôi.

Với ý nghĩa giống với “qua”, loại hình quả tương đương với lăng trì ở thời kì sau đó, “qua hình” thì ở Trung Quốc từ thời nhà Đường đã được thực hiện qua Ngũ Đại và Tống Đại (68). Như vậy thì việc cho rằng “qua hình” của triều Lý được kế thừa từ chế độ của nhà Đường cũng như các triều đại sau cũng không có gì vô lý.

Việc thực hiện hình phạt gọi là “lăng trì” lần đầu tiên tại Trung Quốc là vào thời nước Liêu, trong sử sách nhà Tống, thời vua Chân Tông (998 - 1022) có ghi chép rằng lần đầu tiên đã áp dụng hình phạt này cho những tên trộm cắp nhưng phải đến sau thời Hi Ninh (1068 - 1077) đời vua Thần Tông thì mới thấy nhiều vụ xử áp dụng hình phạt này. Sau đó thì trở thành hình phạt chính thức dưới thời Nguyên và thời Minh (69). Tuy nhiên, chúng không xuất hiện trong *Đại Minh luật* và *Đại Thanh luật*.

Ở Việt Nam, hình phạt gọi là “lăng trì” lần đầu tiên được thấy ở trong sổ sách là năm thứ 5 Thiệu Bảo thời Trần Nhân Tông (1283). Theo *Toàn thư* thì thượng vị hầu Trần Lão đã bị phạm tội nên đồng thời với việc công nhận thực tiễn đối với ông, ông còn bị đồ hình và gia nô của ông bị “lăng trì” tại đông thị (70). Thêm vào đó, vào năm thứ 5 Khai Thái đời Minh Tông (1328), Trần Nhạc, gia thần của bố hoàng hậu là Trần Quốc Chẩn đã bị phát hiện ra sự thật tố cáo với tội bôi nhọ chủ nên đã có bài nói về việc bị phạt lăng trì hình (71). Tóm lại, rõ ràng, quả hình của triều Lý đã được lựa chọn dùng trước khi “lăng trì” được biết đến ở Việt Nam và cho đến đời nhà Trần thì đã được thay đổi hẳn thành lăng trì.

Trong *Toàn thư*, vào triều đại nhà Trần, có nhiều ví dụ về việc xử trảm hình. Ví dụ về trảm hình có thể thấy liên quan đến tội phản nghịch chẳng hạn như Trần Hân đã

nói ở trên. Hơn nữa, vào năm 1392 trường hợp quân dân bỏ trốn để tránh lao dịch, đã có sắc dụ của vua đưa xuống là phải chém đầu (72). Mặt khác, trong *An Nam chí lược* cũng xuất hiện ghi chép rằng tội của những kẻ trộm cắp là trảm, những kẻ mà vi phạm thiết đạo 3 lần thì tử hình thiết nghĩ có lẽ lúc này trảm hình cũng là tên gọi của tử hình (73). Không có bài viết nào về “kiêu” nhưng nhìn theo trường hợp của triều Lý trong hình pháp rõ ràng là có tồn tại. Nhưng trong triều Trần thì rõ ràng là không có giáo hình riêng.

Tóm lại, quy định về tử hình của triều Trần được tiếp nối bằng *Lê triều Hình luật* nhưng mà theo tôi nghĩ giáo hình không có trong đạo luật trước đó đã được thêm vào trong quá trình chỉnh sửa *Lê triều Hình luật*. Lý do phải chăng là đạo luật mới được tham khảo *Đường luật* và vì triều Lê có khái niệm thống trị về mặt chính trị theo Nho giáo. Tuy nhiên, việc vẫn chưa phân biệt hoàn toàn cả hai, chính là kết quả của việc coi trọng truyền thống luật pháp của nước mình hơn cả.

V

Việc phải bàn về nội dung liên quan đến Ngũ hình là vấn đề liên quan đến “thục”. Lý Thái Tông vào năm Minh Đạo nguyên niên (1042) đã ra sắc lệnh như sau: “Những tội phạm mà tuổi trên 70 dưới 80, trên 10 dưới 15 cũng như tội phạm có cơ thể yếu ớt và có bệnh tật trong người cùng với tội phạm vốn là đại công, kì thân trở lên của hoàng tộc thì được cho phép thực. Những kẻ phạm tội bị liệt vào “thập ác” thì không được áp dụng. Vua Thánh Tông năm 1070 đã định ra sự khác nhau với thực tội tiền (74). Theo đó, thực tội thì có thể biết được rằng tùy theo tuổi tác, tình trạng cơ thể, thân phận địa vị mà xử khác nhau. Trong

Đường luật, tôi nghĩ rằng nhờ vào việc đã định sẵn số tiền của tất cả thực tiền của Ngũ hình nên khái niệm của “thục tội” đã được nhập vào từ *Đường luật*. Hơn nữa, những quy định liên quan đến tuổi thì cũng đồng nhất với của *Đường luật*. Tuy nhiên trong *Đường luật*, những người trên 70 tuổi và dưới 15 tuổi được gọi là “lưu tội”, còn những người trên 80 tuổi và dưới 10 tuổi cũng như người mắc trọng bệnh trở nên vô năng lực thì dù là trong trường hợp giết người cũng vẫn có thể tâu lên với vua xin phép cho được thực. Những điều khoản này của *Đường luật* trong *Lê triều Hình luật* hầu như cũng thống nhất (*Đường luật* điều 30, *Lê luật* điều 16) (75). Quy định về tội phạm vốn là đại công hoặc là kỳ thân trở lên của hoàng tộc được xem như cũng được tiếp nhận từ *Đường luật* vì trong *Đường luật* có định rằng đại công của hoàng thái tử phi trở lên được coi là thân. Điều khoản này được tiếp thu nguyên xi vào *Lê triều Hình luật* (*Đường luật*, điều 9; *Lê luật*, điều 5) (76).

Triều đại nhà Trần cũng đã có khái niệm “thục”. Trần Lão, như đã nói ở trên, được công nhận là người của hoàng thất cho nộp 1.000 quan làm thực tiền và bị đồ hình. Việc xem xét thân phận ở triều Lý cũng tương tự như vậy. Trong *An Nam chí lược* có quy định trong trường hợp thông dâm với vợ người khác hoặc giết hại quan lại hay thường dân thì tùy theo thân phận của người bị hại mà nộp thực tiền để được giảm hay miễn tội (77). Nhưng ở triều Trần có trường hợp không phải thực tội bằng tiền mà có thể bằng lao động. Năm thứ 7 Nhân Tông Thiệu Bảo (1285) đồng thời với việc miễn tử tội của những dân quân đầu hàng địch đã lợi dụng những người này vận chuyển cây cối, đất đá để xây dựng hoàng cung. Đây là cách để bổ sung sức lao động còn thiếu hụt.

Quy định những người phạm vào thập ác thì không được thực tội đều có trong cả *Đường luật* và *Lê triều Hình luật*. Cuối cùng thập ác trong luật pháp triều Lý là khái niệm lấy từ *Đường luật* và việc khái niệm này được phản chiếu y như vậy vào luật pháp của triều Lê là điều rất rõ ràng. Thập ác gồm mưu phản, mưu đại nghịch, mưu bạo, ác nghịch, bất đạo, đại bất kính, bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, nội loạn, những nội dung đó coi trọng đạo đức gia đình về cơ bản chủ yếu là lòng trung thành đối với nhà vua, hiếu thảo đối với bố mẹ (*Đường luật* điều 6; *Lê luật* điều 2) (78). Nhưng nếu xét tới việc ở triều Lý đạo Phật hoặc là đạo Lão có những ảnh hưởng lớn tới chính trị và xã hội còn Nho giáo vẫn chưa thể có những ảnh hưởng lớn được thì trong thập ác, đặc biệt là khái niệm đạo đức gia đình được tiếp nhận một cách hình thức từ *Đường luật*. Ngay sau khi Lý Thái Tông lên ngôi, ông đã tha tội cho 2 em trai đã từng tranh chấp vương quyền với mình là Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương, đồng thời hồi phục chức tước cho họ. Không những thế ông cũng tha tội cho người em trai là Khai Quốc Vương đã từng gây ra phản loạn lại còn cho duy trì vương tước (79). Điều đó cho thấy luật pháp triều Lý cũng tiếp thu “thập ác” của *Đường luật* nhưng không vượt quá mức hình thức. Trong việc tha tội, cũng áp dụng vấn đề những người cầm đầu phản loạn là em trai của vua nhưng cùng với đó, có thể giải thích là do ảnh hưởng của đạo Phật trong việc tránh xử tử hình. Mặt khác, đối với mọi trường hợp ác nghịch rơi vào “thập ác”, *Đường luật* và hình luật của triều Lê đều đã có những quy định riêng để không có đối tượng nào được giảm hoặc tha tội (*Đường luật*, điều 62; *Lê luật*, điều 2) (80).

Theo *Toàn thư* giống như đã đề cập ở trên, vào triều Trần, dường như ta thấy

rằng đã có thêm khái niệm về “thập ác” trong hình phạt và “bất nghị” vốn không thấy có ở triều Lý. Trong hình phạt, cái được gọi là “bất nghị” chính là nói đến những người thuộc 8 loại phạm trù được trở thành đối tượng xem xét đặc biệt, việc miễn “một tịch” cho Trần Hân trước đây vốn là đại công rơi vào “nghị công” là loại thứ 5 trong số “bất nghị”, với lý do là bà con xa của hoàng tộc, Trần Lệ được miễn “thích diện” thì là vì rơi vào loại thứ nhất trong số “bất nghị” là “nghị thân”. Việc công nhận “thực tiền” cho Trần Lão cũng là khái niệm đồng nhất. Giống như đã nói trước đây, vì triều Trần đã đặt nền tảng quyền lực cho các hoàng thân quốc thích nên việc du nhập những khái niệm “nghị thân” như thế này mà không cần qua thử thách trực tiếp đặc biệt trong vương quyền là một kết quả đương nhiên. *Lê triều Hình luật* cũng phản ánh một cách đầy đủ những điều này. (*Đường luật*, điều 7; *Lê luật*, điều 3).

Cũng có “phạt tiền” là khái niệm tương đương với “thực”. Ở Việt Nam, khái niệm “phạt tiền” lần đầu tiên xuất hiện là vào thời Lý Thái Tông Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 4 (1042) như đã nói ở trên, khi ăn trộm ngựa của quan thì phải bị phạt 100 trượng và cứ ăn cắp 1 con thì phải đền 2 con (81). Ở triều Trần, vào năm thứ 3 Thái Tông Kiến Trung (1227) ta có thể thấy bài viết phạt tiền 5 quan đối với quan lại vắng mặt trong lễ huyết minh. Có lẽ chủ yếu là trưng thu tiền đối hình phạt rất nhẹ (82). Khái niệm “phạt tiền” có lẽ lấy từ *Đường luật* nhưng trong *Lê triều Hình luật*, những quy định cụ thể hơn rất nhiều. Phạt tiền thì chủ yếu áp dụng cho đối tượng là những quan lại và được chia thành 3 mức: mức 1 là 500 - 300 quan, mức 2 là 200 - 60 quan và mức 3 là 50 - 5 quan (83).

Ở triều Lý, ngoài ngũ hình còn có hình

phạt không chính thức là chặt bỏ một phần cơ thể. Nhưng hình thức này không phải là được tiếp nhận từ *Đường luật*. Không tìm thấy trong tư liệu nào của Việt Nam, nhưng trong điều khoản liên quan đến An Nam là *Lĩnh ngoại đại đáp* được Chu Khứ Phi triều Tống của Trung Quốc viết thì có đoạn nói là “những kẻ ăn trộm tài sản của người khác thì bị chặt ngón tay và ngón chân, những kẻ phản bội Tổ quốc và bỏ trốn thì bị chặt thủ túc” (84). Những hình phạt cơ thể như thế này một số Nam triều của Trung Quốc có dùng nhưng đến thời nhà Thu và nhà Đường thì bị hủy bỏ. Sau đó, đến thời nhà Liêu thì được tiến hành lại (85). Dựa theo bài viết được tìm thấy trong tài liệu lịch sử *Tục tư trị thông giám trường biên* quyển 43 thời Tống Chân Tông Hàm Bình nguyên niên 998, có ví dụ về việc Lê Hoàn chặt thủ túc của dân (86), tôi nghĩ rằng triều Lý tiếp nhận hình phạt này từ Tiền Lê còn Tiền Lê thì tiếp nhận chế độ này từ Nam triều của Trung Quốc.

Triều Trần thì tiếp tục thực thi những hình phạt về thân thể theo như những ví dụ đã được kể của triều Lý. Trong *Toàn thư* năm 1264, có bài viết nói rằng khi vợ của Trần Thủ Độ xin cho một người đàn ông nào đó chức phụ trách trị an ở một làng nhỏ, Trần Thủ Độ đã gọi người đàn ông đó đến nói là sẽ chặt ngón chân do tội yêu cầu cá nhân (87). Còn xử phạt người lập văn bản giả phải bị chặt 1 đốt ngón tay của bàn tay trái (88). Trong *An Nam chí lược* có tìm thấy quy định tương tự với triều Lý, đó là xử chặt đầu đối với kẻ tái phạm tội thiết đạo (89).

Hình phạt chặt tay chân cũng được tiếp tục vào thời Lê. Lê Thái Tổ Thuận Thiên năm thứ 2 (1429) đã có quy định chặt một phần bàn tay của những kẻ phạm tội đánh cờ hoặc là đánh bạc (90). Ở đây, về hình

phạt thì đồng nhất nhưng ý đồ thì khác nhau. Ở triều Lý là để cấm hành vi trộm cắp, còn triều Trần thì tất nhiên cũng để cấm trộm cắp nhưng còn sử dụng như một cách để uy hiếp những hành vi đó. Trong triều Lê để tăng cường sản xuất nông nghiệp thời kỳ đầu kiến quốc, nhằm phạt những kẻ không coi trọng công việc nhà nông. Tuy nhiên thực hiện bằng hình phạt nhằm cấm những hành vi trộm cắp cũng giống như trong những triều đại trước đó. Năm 1721, vua Dụ Tông đã miễn ngoạt hình cho kẻ phạm tội rơi vào “lưu hình” đã được thực hiện lúc đó và tùy theo mức độ trầm trọng của tội đồ hình mà có thể xử khác nhau về thời gian. Tuy nhiên, quy định những kẻ rơi vào “đạo kiếp tội” là ngoại lệ vẫn xử phạt “lưu hình” đồng thời với “ngoạt hình” giống như trước đó (91).

Ngoài hệ thống hình phạt được bàn luận ở trên, trong những quy định pháp luật chung của triều Lý cũng có những nội dung kế thừa *Đường luật*. Giống như đã nói ở trên, Lý Thái Tông Minh Đạo năm thứ 2 (1043) đã ra sắc dụ phạt 100 trượng và thích diện 20 chữ đối với những kẻ bán con dân hoặc hoàng nam làm nô tì cho người khác, còn phạt 100 trượng và thích diện 10 chữ đối với những kẻ chưa bán nhưng đã bắt họ lao dịch cho người khác. Tôi nghĩ rằng những quy định trừng phạt cụ thể như thế này được mượn từ những khái niệm của *Đường luật*. Trong *Đường luật*, có quy định rằng phải phạt “giảo hình” đối với những kẻ bắt cóc người khác để bán làm nô tì (*Đường luật* điều 292).

Ở triều Trần, những quy định như thế này không được tìm thấy nhưng luật pháp dường như không cấm những người vì nghèo mà phải tự bán mình làm nô tì. Vào triều Trần, với trung tâm là hoàng thân quốc thích và quần thần ở giai đoạn trang

viên đã phát triển nên trường hợp những người nghèo mà quốc gia không thể giúp gì thêm được thì cũng được cho phép làm như vậy (92). Nhưng nếu những người này muốn, thì cho phép để cho họ trở thành thường dân lại được. Trước đó những điền trạch đã bị bán đi thì lúc đầu không cho mua lại nhưng mấy năm sau thì điều này cũng được cho phép.

Lê triều Hình luật có quy định về “kẻ bắt cóc người khác bán làm nô tì” (điều 453) giống với điều khoản trong *Đường luật* hơn là so với những quy định của triều Lý (93), tôi không loại trừ cách nhìn nhận rằng liệu có phải được tiếp nhận từ *Đường luật* sau khi đã cân nhắc những quy định trong luật triều Lý không? Những suy đoán như thế này, bằng những loại hình phạt như “viễn châu” trong *Lê triều Hình luật* có khả năng dựa vào nhiều điểm gần như tương đồng với hình phạt của triều Lý. Việc tự bán thân làm nô tì do quá nghèo của triều Trần là 1 ví dụ về sự đồng nhất với *Lê triều Hình luật* (điều 313).

Một mặt, Lý Thái Tông Minh Đạo năm thứ 2 (1043), như đã đề cập ở trên, cũng đã có hình phạt đối với lính đào ngũ. Đây cũng là khái niệm phạt tương tự với nội dung của *Đường luật*, chỉ khác về hình phạt. Hoặc là trong *Đường luật*, trường hợp những binh lính bỏ trốn khỏi chiến trường thì cũng giống với những người ở nhà rồi bỏ trốn. Vào thời Trần, không thấy được những quy định như thế này nhưng rõ ràng là thấy được rằng vận mệnh của vương triều cần phải suy nhắc kỹ về chiến tranh mấy lần với quân Nguyên. Trong *Lê triều Hình luật* nếu binh lính bỏ trốn thì gọi là “tượng phưởng binh” và bị phạt “đồ hình” và hình thức điều luật cũng như hình phạt lại gần gũi với chiếu sắc của Lý Thái Tông hơn (94). Hình phạt của Thái Tông Hữu

Đạo năm thứ 4 (1042) đối với những kẻ trộm bò thuộc quyền sở hữu của chính quyền hoặc là quy định phạt đối với những kẻ ăn trộm bò rồi đồ sát thời Nhân Tông như đã đề cập ở trên cũng cần cân nhắc xem cách thể hiện có khác với *Đường luật* không. Trong *Đường luật*, có đề cập về trường hợp quan gia hoặc cá nhân cố ý giết hại ngư mã (*Đường luật*, điều 203). Quy định gọi là “kẻ giết hại ngư mã” của *Lê triều Hình luật* được suy nghĩ không biết liệu đã tham khảo tất cả các luật pháp của triều Lý cũng như của *Đường luật* hay không. Nhưng mà cách thể hiện lại khác nhau (điều 580) (95).

Sự việc trộm cắp thì có thể là ở chỗ nào, nhưng quy định phạt về tội trộm cắp của triều Lý có thuật ngữ đã lấy được tài sản rồi hay chưa lấy được tài sản, có nghĩa là “đắc tài” hay “bất đắc tài”, những điểm phân biệt đã bị thương hay chưa chẳng hạn, chúng được cho rằng đã tiếp nhận từ những điều khoản của *Đường luật* (*Đường luật* điều 281) (96). Ở triều Trần, tội trộm cắp thì bị “trảm hình”, quy định này hà khắc hơn so với ở triều Lý là bị đánh 100 trượng. Trong *Lê triều Hình luật* trong trường hợp là hành vi trộm ban đêm thì bị “trảm hình” (97), và ở triều Trần cũng áp dụng hình phạt tương tự (điều 426). Trong những ghi chép của triều Lý “thiết đạo hành vi” không được tìm thấy nhưng mà như đã nói ở phần trước, ở triều Trần, nếu trường hợp vi phạm lần đầu thì bị phạt 80 trượng, bị “thích mặc” 2 chữ và nếu trường hợp tái phạm hay tam phạm, hình phạt sẽ càng gia tăng nặng hơn. So với điều này, hình phạt trong *Lê triều Hình luật* là vi phạm lần đầu thì “lưu hình”, “viễn châu”, tái phạm thì “trảm hình” nặng hơn so với hình phạt của triều Trần (điều 429).

Những quy định liên quan đến sát nhân

đều có trong *Đường luật*, luật của triều Lý, luật của triều Trần, *Lê triều Hình luật* nhưng mà hình thức điều khoản trong *Lê triều Hình luật* được bắt đầu bằng “chư đầu ầu sát nhân giả” giống với cách thức thể hiện trong *Đường luật* (*Đường luật*: điều 306; *Lê luật* điều 467) (98). Mặt khác, luật pháp của triều Lý có điểm khác biệt với những luật khác ở điểm là không xử tử hình đối với những kẻ giết người chỉ dừng lại ở “trượng hình” và “thích diện” (99). Về “tội gian thông”, ở triều Lý, thời Thái Tông Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 4 (1042), nếu có kẻ ban đêm lẻn vào nhà người khác gian thông với thê thiếp thì người chủ có thể giết theo ý mình kẻ đang thông dâm ngay tại hiện trường. Nhưng trên thực tế, vào triều Lý, dường như chủ nhân có thể giết theo ý mình kẻ đang thông dâm không phụ thuộc vào thời gian (100). Nói theo cách khác là không dựa vào luật mà có thể tự quyết định theo cá nhân. Nhìn vào “hình chính” của *An Nam chí lược*, có phần nói rằng trước đây chủ thường giết theo ý mình những kẻ thông dâm nhưng gần đây những người đàn ông phạm tội thông dâm nếu đưa 300 quan cho chồng của người phụ nữ đó sẽ được miễn tử tội (101). Trong *Đường luật*, có quy định rằng những kẻ thông dâm với vợ của người khác thì bị phạt “đồ hình” 2 năm (*Đường luật* điều 410) cho thấy được sự phát triển vượt bậc về luật pháp của triều Lý là tư đích chế tài. Cùng với đó, những quy định của triều Trần cho thấy rằng luật của Việt Nam đã ngày càng tiến bộ hơn. Trong *Lê triều Hình luật* hình phạt đối với kẻ thông dâm với vợ của người khác là từ “lưu hình” đến “tử hình” (điều 401).

Tội vu cáo trong các ghi chép của triều Lý không tìm thấy nhưng trong luật của triều Trần và *Lê triều Hình luật* đã xuất hiện. Trong *An Nam chí lược* ghi người vu cáo phải chịu nhận tội (102), trong *Toàn*

thư đã phát hiện ra một vài ví dụ. Như chúng ta đã thấy trước, nô lệ của Trần Nhạc là Trần Quốc Chấn đã vu khống cho chủ của mình nên bị tuyên phạt “lăng trì hình”. Về điều này, phần trước có ghi chép rằng năm 1320 dưới triều Trần Minh Tông quan nô Hoàng Hộc và Thiện Kiện đã lừa hình quan một cách khéo léo rồi vu khống cho những người dân quê (103). Dù ở Trung Quốc, vu cáo tội đã có từ trước nhà Đường nhưng theo những điểm có quy định trong *Đường luật* (điều 341 và 342) nên chắc những khái niệm đó được mượn từ *Đường luật* (104). Quy định phạt đối với tội vu cáo trong *Lê triều Hình luật* là hình phạt, so với hình phạt trong *Đường luật* thì tương đối nhẹ hơn (điều 502) (105). Trong trường hợp triều Trần không thể biết được quy định hình phạt chính xác nên việc so sánh với *Lê triều Hình luật* thì quả là khó khăn.

Luật pháp của triều Trần, trong trường hợp dù là có tội thực thì phụ tử, phụ phụ cũng không thể tố cáo nhau, việc nô lệ tố cáo chủ cũng bị cấm (106). Quy định này được tiếp nhận từ *Đường luật* (*Đường luật* điều 346 và 349) nhưng trên ghi chép thì thấy rằng được định ra vào Minh Tông Đại Khánh năm thứ 2 (1315) nên có thể suy nghĩ liệu có liên quan nào giữa việc tăng cường vai trò chính trị thay đổi từng bước của những nhà Nho học Việt Nam từ sau khi đẩy lùi xâm lược của nhà Nguyên hay không. Trong *Lê triều Hình luật* tiếp nhận y như vậy tinh thần của những quy định nhưng mà hình thức các điều luật thì theo như *Đường luật* (điều 504) (107).

Mặt khác, trong *Đường luật* không có mà chỉ những điều khoản có trong pháp luật triều Lý cũng như triều Trần được lựa chọn và gọi là ví dụ trong *Lê triều Hình luật*, trong luật pháp triều Lý, triều Trần thì trực tiếp ảnh hưởng đến *Lê luật* nhưng

cũng có những nội dung cho thấy có một sự liên quan nào đó, chẳng hạn như sắc dụ của vua Lý Anh Tông năm 1142, những đất đai đã được khai hoang hoàn toàn thì khi cầm cố và bán đi trong vòng 20 năm có thể chuộc lại được. Cũng trong luật của triều Trần, trước đây đã đề cập đến những quy định tương tự. Trong *Lê triều Hình luật* có quy định rằng đối với đất đã được đem cầm cố hoặc bán đi thì nếu người bán muốn thì phải cho chuộc lại (điều 384) (108). Những quy định của triều Lý, triều Trần và triều Lê không có trong *Đường luật* như thế này là biện pháp nhằm giữ ổn định cho nông dân khi chế độ về đất đai ở Việt Nam chưa được thiết lập.

Như vậy, chỉ có luật của triều Lý và *Lê triều Hình luật* có nội dung liên quan. Nhìn phía trước, quy định phạt của triều Lý đối với người tự “khử thế” được phát hiện trong *Lê triều Hình luật* nhưng mà không có trong *Đường luật* (điều 305). Ở triều Lý, “khử thế cấm chỉ” đa số là những “tự yếm giã” trở thành thái giám và vì có liên quan đến chính trị nên có mục đích nhằm chống lại những điều này (109). Nhưng mà trong triều Lê việc đảm bảo cho sức lao động thì quan trọng hơn. Lý Thái Tông Minh Đạo năm thứ 2 (1043), sắc dụ về hình phạt đối với 3 người quản lý cùng chịu trách nhiệm và dù là ai trong số 3 người đó phạm vào đại nam, đinh nam đều phải bị phạt cũng tương tự với “dân đinh ẩn tặc nội” có trong *Lê triều Hình luật* (điều 299) (110). Đến sau này, không phải là chế độ cùng chịu trách nhiệm mà là trách nhiệm đối với người có tội. Quy định này đều là vì cả hai triều đại đều coi trọng sự đảm bảo sức lao động và tô thuế. Lý Thần Tông Thiên Thuận năm thứ 4 (1131) đã có sắc dụ rằng nô lệ của vương hầu, công chúa, bách quan “không thể lấy con gái của các quan địa phương hoặc của bách tính làm thê được”,

trong *Đường luật* không có điều này, chỉ có trong *Lê triều Hình luật* (điều 336) (111). Lý Anh Tông Đại Định năm thứ 6 (1145) cũng có sắc dụ khi mâu thuẫn với nhau xung quanh đất đai, hồ sen, tài sản thì không được dựa vào quyền thế gia mà giải quyết. Điều khoản của *Lê triều Hình luật* có viết việc chiếm đoạt điền trạch của những người dân lành của những kẻ có thế lực đều bị phạt (điều 370) (112). Về mặt nội dung và hình thức, giữa các triều đại đều có sự khác biệt nhưng mà có thể thấy rằng giữa chúng có tính tương quan với nhau. Hơn nữa, nội dung khác được vua Anh Tông Đại Định năm thứ 11 (1150) đề cập là cấm việc đi lại trong nhà riêng của quan lại. Trong *Lê triều Hình luật* thì cấm việc bách quan đến và đi nếu là bà con của quan lại “cấm trung” (điều 208) (113). Cả hai bên vừa tương đồng vừa khác nhau do sự khác nhau về quyền lực chính trị giữa 2 vương triều. Ở triều Lý, vì con em của những người cầm quyền có quyền lực rất đáng kể nên rõ ràng cấm việc câu kết, thông đồng giữa các quan lại và vương hầu. Nhưng vào thời Lê Thánh Tông, có thể cho rằng việc đặt ra những quy định như trên đây là do lo sợ “lậu thủy” quyền lực tối cao vì những bí mật của các vương cung bị rò rỉ vì quyền lực của các hoàng đế chỉ được thành lập đến mức độ nào đó.

Trong trường hợp trên, cũng có những quy định chỉ liên quan đến luật pháp của *Lê triều Hình luật* mà khác với luật pháp của triều Trần. Trần Thuận Tông Quang Thái năm thứ 9 (1396), có bài viết về sự hoàn tục của tất cả những người tuổi dưới 50 trong số những thầy tu hoặc là những người thuộc đạo Lão (114). Lúc này, đã là cuối triều Trần, Đạo Phật cũng như Đạo Lão đã mục nát và là thời kỳ không thể thể hiện thêm được vai trò với ý niệm về mặt chính trị hơn như thế. Ngược lại, khi Nho

học xuất hiện bắt đầu thay thế vị trí chiếm lĩnh của đạo Phật. Một lý do khác nữa là để làm yếu đi thế lực của hoàng gia quốc thích của triều Trần, Hồ Quý Ly đã có ý đồ kết thúc những thông lộng liên quan đến Đạo Phật. Triều Lê bằng ý niệm thống trị Nho giáo đã đưa ra những quy định bao gồm những quy định có trong *Lê triều Hình luật* là một việc làm quá đương nhiên (điều 288) (115). Hơn nữa Lê triều để bổ sung lao dịch cũng đã cần những quy định này.

Trong *Toàn thư* vào năm thứ 6 Trần Thánh Tông Bảo Phù (1278) đã có bài viết nói rằng trong dân gian của kinh thành thường xuyên phát sinh hỏa hoạn nên đã thấy hoàng đế ra ngoài để làm công tác dập lửa (116). Trong các điều khoản của *Lê triều Hình luật* có thể tìm thấy quy định hình phạt về trường hợp để cháy nhà trong kinh thành hoặc là làm cháy nhà người khác (điều 617). Hoặc là chúng ta cũng đã suy nghĩ rằng những quy định này liệu có liên quan gì với những bài viết của triều Trần như đã nói ở trên hay không.

VI

Trên đây, chúng ta đã vừa so sánh, tìm hiểu chi tiết tính tương quan của luật pháp 2 triều đại Lý và Trần giữa *Đường luật* với *Lê triều Hình luật* cũng như quan hệ tương quan của *Lê triều Hình luật* với *Đường luật*. Kết quả là ta có thể phát hiện ra 3 sự thật: *Thứ nhất* là luật pháp của triều Lý và triều Trần hầu hết đều dựa trên nền tảng là *Đường luật* và cũng phản ánh y như vậy trong *Lê triều Hình luật*. *Thứ hai* là việc đã tham khảo ở mức độ nào đó luật pháp của nhà Tống, triều đại cùng thời với triều Lý và triều Trần. *Thứ ba* là những quy định pháp luật không có trong *Đường luật* mà lại có trong luật pháp của triều Lý và triều Trần có ảnh hưởng đến *Lê triều Hình luật*, đó cũng là điểm đáng lưu ý.

Pháp luật của triều Lý không phải là không có ảnh hưởng ngay đến Lê triều pháp nhưng mà hầu hết luật pháp của triều Lý thì được nối tiếp với triều Trần và luật pháp của triều Trần đều lại có ảnh hưởng đến Lê triều pháp. Tất nhiên vì không tồn tại đạo luật hoàn thiện của triều Lý nên trên thực tế thì có nhưng không tìm thấy được những ghi chép. Tôi nghĩ rằng khi so sánh pháp luật giữa 2 thời Lý và Trần thì pháp luật của triều Trần đã có những bước phát triển hơn thời trước. Có thể lấy ví dụ như việc ở triều Lý, chế tài tư đích là có thể nhưng đến triều Trần thì có những điểm không còn có thể nữa. Hơn nữa là pháp luật của triều Trần nếu so sánh với triều Lý thì dường như có ảnh hưởng nhiều đến *Lê triều Hình luật* hơn. Trong lưu hình, sự sử dụng thuật ngữ “cận châu” hay “viễn châu”, cũng như trong tử hình có sự vận dụng thuật ngữ “lãng tri”... đều cho thấy điều đó.

Một thắc mắc nữa là vì sao luật pháp của triều Lý và triều Trần lại có gốc nhiều từ luật pháp Trung Quốc. Tất nhiên vì Việt Nam phải chịu sự thống trị của Trung Quốc nên không thể phủ nhận được việc tiếp nhận sự ảnh hưởng của nền văn hóa luật pháp Trung Quốc. Nhưng mà một sự thật quan trọng là cũng cần phải chú ý đến một điểm là không phải tiếp nhận mà là suy nghĩ *Đường luật* là luật pháp của Trung Quốc. Có thể nói lại rằng cũng giống như khi chúng ta lập luật mới ngày nay, chúng ta tham khảo luật pháp Đông - Tây, *Đường luật* không chỉ là luật của Trung Quốc mà cũng có thể coi là một loại luật “cổ điển tích” mà người Việt Nam có thể tham khảo được. Luật pháp của triều Lý hoặc là triều Trần thì không chỉ đơn thuần là bắt chước *Đường luật* mà việc khi hoàn cảnh thực tế khác đi thì cũng thay đổi để có thể phù hợp với hoàn cảnh đó đã chứng minh

cho điều này. Ngược lại từ sự thành lập của triều Đinh (966 - 980) (117) người cầm quyền qua nhiều thế hệ của Việt Nam đã tự xưng là hoàng đế và lập ra niên hiệu, nỗ lực để duy trì mối quan hệ bằng với Trung Quốc cũng là điểm đáng lưu ý.

Cuối cùng, nếu nói thêm một điều mật thiết nữa là việc vận hành pháp luật của triều Lý có nhiều điểm chưa chín muồi do vẫn chưa lập được chế độ quản lý. Vào thời Lý Thái Tông, có rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết những sự kiện vương mắc, phức tạp trong đô hộ phủ, là nơi nắm quyền hành pháp. Những sĩ sư trưởng trong sự kiện này đã không thể giải quyết được, hơn nữa dù có định làm rõ sự kiện này thì vẫn không thể ngăn chặn được những vô lý xấu xa. Thái Tông không còn cách nào khác vào năm 1037 đã tắm gội sạch sẽ rồi cầu nguyện với trời. Vì vậy, đã có lời nói rằng trong mơ, sứ giả của thượng đế xuất hiện và nói là “Nếu phụng thờ Phạm Cự Lương là tướng quân thời Tiền Lê với tư cách là thần bảo vệ đô hộ phủ thì sẽ được”. Sáng ngày hôm sau Thái Tông đã triệu tập quần thần lại và kể lại chuyện trong giấc mơ và ban tước vị “vượng” cho Phạm Cự Lương và cho xây dựng đền thờ để có thể tiến hành giỗ bằng “tứ thời” (118). Việc tiến hành một cách công bằng luật pháp không đạt được dựa vào bộ máy quan liêu mà phải cầu nguyện trời là một chứng cứ hay cho thấy hệ thống luật pháp của triều Lý chưa được thành lập cũng như hệ thống bộ máy quan liêu cũng chưa được thành lập.

Trên thực tế, sự thống trị của vua triều Lý phụ thuộc nhiều vào tín ngưỡng dân gian truyền thống, các anh hùng trong quá khứ cũng như sức mạnh về mặt tôn giáo như Đạo Phật hoặc là Đạo Lão hơn là bộ máy quan liêu hành chính (119). Những

người này tự quyết định với tư cách là những người bảo hộ cho tôn giáo và thanh minh cho quyền thống trị của mình để thống trị trung tâm của đồng bằng sông Hồng. Những gia đình mạnh ở các địa phương đều hình thành những thế lực bán độc lập nhưng lại sợ sức mạnh thần bí của tôn giáo mà trung ương đưa ra nên phải phục tùng họ. Triều Lý tuy có chủ trương là triều đại tập trung quyền lực nhưng tôi nghĩ đây là vấn đề phải xem lại.

Ở triều Trần, không tìm thấy được những yếu tố mang tính thần bí về “pháp vận dụng” như thế này. Trong *Toàn thư*, Trần Thái Tông Thiên Ứng năm thứ 19 (1250) có quy định quan phụ trách tố tụng trước khi kết thúc vụ kiện chắc chắn phải bàn bạc với quan lại của thẩm hình viện để có thể đưa ra quyết định về hình phạt (120). Điều này cũng có thể nói rằng việc vận hành luật pháp cũng hợp lý chừng đó. Ở triều Trần, để thống trị thì cũng bị phụ thuộc nhiều vào tôn giáo bằng những khái niệm thống trị Đạo Phật. Nhưng mà Trần Thủ Độ vì có cảm quan rất xuất chúng về hiện thực chính trị được biết đến như là nhân vật có sức mạnh về lý luận, rất búyng bình nên không thêm những yếu tố thần bí có khả năng vào chính trị. Không kể đến cảm quan về chính trị hiện thực xuất sắc của Trần Thủ Độ, triều Trần cũng không thể hình thành được quốc gia có quyền lực tập trung nên cho đến ngày nay không ít các học giả vẫn đồng ý như vậy. Việc đơn vị hành chính địa phương cao nhất của tuyến đồng bằng sông Hồng là “lộ” còn ở những địa phương xung quanh thì “trấn” là đơn vị hành chính cao nhất có nghĩa là triều Trần không thể đạt được hệ thống thống trị đã được thống nhất (121). Về thực tế, cho đến các triều đại sau vẫn sử dụng hình thái thống trị gián tiếp những khu vực vùng xa xôi của dân tộc thiểu số bằng cách thông

qua các trưởng làng.

Nói chung, ở Việt Nam, từ triều Lý rồi qua triều Trần, dần dần xóa bỏ những yếu tố quan trọng về mặt tôn giáo thần bí trong quyền lực chính trị và có thể nói đã tiến hành bằng hệ thống thống trị của bộ máy quan liêu dựa vào pháp luật. Hệ thống thống trị của bộ máy quan liêu như thế này đã được bắt đầu từ thời Hồ Quý

Ly nắm quyền lực và cho đến thời Thánh Tông của triều Lê thì được hoàn thành. Việc lập *Lê triều Hình luật* đã được thực hiện trong bối cảnh chính trị như thế, nó tiếp thu luật pháp của triều Lý và triều Trần và những quy định không có trong các luật pháp này chủ yếu được vay mượn từ *Đường luật*, vốn đã được các bộ luật nói trên tham khảo.

CHÚ THÍCH

(1). Xem Yu Insun, *Law and Society in Seventeenth and Eighteenth Century Vietnam*, Seoul, 1990, tr. 35-40; Nguyen Ngoc Huy, "On the Process of Codification of the National Dynasty's Penal Law (*Quoc Trieu Hinh Luat*)," *The Vietnam Forum* 1 (Winter-Spring 1983), tr. 44-45; Niida Noboru, *Nghiên cứu lịch sử pháp chế Trung Quốc - Hình pháp*, bản tiếng Nhật, Tokyo, 1959, tr. 583.

(2). Makino Tatsumi, *Nghiên cứu lịch sử gia tộc Chi Na*, bản tiếng Nhật, Tokyo, 1944, tr. 691.

(3). Yu Insun, *Law and Society*, sdd, tr. 39-40.

(4). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, dưới đây viết tắt là *Hiển chương*, Đồng dương văn khố X-76, cuốn 42, *Văn tịch chí*, tr. 4a; Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, EFEO microfilm A.1389, quyển 2, *Nghệ văn chí*, tr. 65b; Nguyen Ngoc Huy, *On the Process of Codification of the National Dynasty's Penal Law*, tr. 47.

(5). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, tldd, quyển 2, *Nghệ văn chí*, tr. 65b.

(6). Katakura Minoru, *Sơ cứu luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, bản tiếng Nhật, Tokyo, 1987, tr. 39-118.

(7). Nguyen Ngoc Huy và Ta Van Tai, *The Le Code: Law in Traditional Vietnam*, 3 vols. Ohio University Press, 1987, vol. I, tr. 8-12, 32-34.

(8). *Đại Việt sử ký Toàn thư*, sau đây viết tắt là *Toàn thư*, Tokyo, 1984-1986, tr. 231; Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, cuốn 33, *Hình luật chí*, tr. 2b và cuốn 42, *Văn tịch chí*, tr. 2b-3a; Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử* cuốn 2, *Nghệ văn chí*, tr. 65b. *Việt sử lược* được dùng là *Luật thư*. Trần Kinh Hòa biên soạn, *Đại Việt sử lược*, dưới đây viết tắt là *Việt sử lược*, Tokyo, 1987, tr. 54.

(9). *Toàn thư*, tr. 86, 196.

(10). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 40-41.

(11). *Toàn thư*, sdd, tr. 231; *Hiển chương* cuốn 33, *Hình luật chí*, tr. 2b.

(12). Keith Taylor, *Authority and Legitimacy in 11th Century Vietnam*, trong *Southeast Asia in the 9th to 14th Centuries*, eds., David Marr and A.C. Milner, Singapore, 1986, tr. 139-176.

(13). *Việt sử lược*, sdd, tr. 75; *Toàn thư*, tr. 296.

(14). *Toàn thư*, tr. 321; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, sdd, tr. 83.

(15). *Toàn thư*, tr. 324. Ở *Văn tịch chí*, trong *Hiển chương* của Phan Huy Chú thì *Quốc triều Thông chế* được gọi là *Triều Đình Thông Phán*. *Hiển chương* quyển 42; *Văn tịch chí*, tr. 3a; Trần Thủ Độ đàn áp tàn nhẫn vương thất triều Lý đến mức tất cả họ của họ đã bị đổi thành họ Nguyễn,

nhưng những chế độ hữu ích cho nhà Trần thì vẫn được giữ nguyên sử dụng. Ví dụ tiêu biểu là nghi thức huyết minh. *Toàn thư*, tr. 326, 323.

(16). *Hiến chương*, quyển 33, *Hình luật chí*, tr. 4b.

(17). *Toàn thư*, tr. 332; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, sdd, tr. 84.

(18). *Toàn thư*, tr. 420.

(19). *Hiến chương*, quyển 42, *Văn tịch chí*, tr. 3b; *Đại Việt thông sử*, quyển 2, *Nghệ văn chí*, tr. 65b.

(20). *Hiến chương*, cuốn 33, *Hình luật chí*, tr. 1b.

(21). *Toàn thư*, tr. 243. Ở *Việt sử lược* có ghi là Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 7(1064). *Việt sử lược*, tr. 59. Mặt khác Phan Huy Chú đã ghi sai thành Long Thụy Thái Bình năm thứ 6. *Hiến chương*, cuốn 33, *hình luật chí*, tr. 3a).

(22). *Toàn thư*, tr. 230; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 62.

(23). *Toàn thư*, tr. 253.

(24). *Toàn thư*, tr. 218-219.

(25). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Huế, 1960, tr. 222; Katakura cho rằng nếu xét việc xử rộng phạm vi tới thân tộc thì hình phạt hà khắc hơn cả *Đường luật* hay *Lê triều Hình luật*. Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 97.

(26). *Toàn thư*, năm 1041 (tr. 230) và tham khảo trường hợp của Nguyễn Trãi và Phạm Khứ Liều sau này.

(27). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 97, 114, 25.

(28). *Toàn thư*, tr. 396, 406-407.

(29). *Toàn thư*, Năm 1296 (tr. 375).

(30). Trong *Toàn thư* có bài viết vào thời Thuận Tông Quang Thái năm thứ 9 (1396) đã xử tử hình kẻ làm giả và cho lưu hành lần đầu tiên tiền giấy là Thông Bảo Hội Sao. Nếu xét trường hợp trong *Đường Luật* người phạm tội chủ mưu tư lợi tiền xu bị xử lưu hình 3000 dặm, trong *Lê triều Hình luật*

bị xử trăm hình thì cũng không thể nói luật trên quá hà khắc. *Toàn thư*, tr. 471; *Đường luật*, điều 391; *Lê triều Hình luật*, điều 522; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 101. Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, sdd, vol. 2, tr. 284.

(31). Derk Bodde và Clarence Morris, *Law in Imperial China*, Harvard University Press, 1967, tr. 30.

(32). Sybille van der Sprenkel, *Legal Institutions in Manchu China*, London, 1962, tr. 28.

(33). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 45.

(34). Sau này sẽ đề cập đến ý kiến cho rằng đã không tham khảo *Tống Hình Thống*, bộ luật gần như giống *Đường luật*.

(35). *Toàn thư*, tr. 231. Trần Thái Tông năm Kiến Trung thứ 3 (1227) có hình phạt tiền 5 quan đối với người không tham dự lễ huyết minh. Điều này là do Triều Lý coi trọng huyết minh hơn Triều Trần. *Toàn thư*, tr. 323.

(36). *Khâm Định Việt sử thông giám Cương mục*, Taipei, 1969, Chính biên, cuốn 2, tr. 30a; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 46.

(37). Liệt kê các trường hợp trọng hình như sau: *Toàn thư* năm 1042, 100 trọng; 50 trọng, tr. 231; năm 1043, 100 trọng, tr. 233; năm 1044, 100 trọng, tr. 235; năm 1071, 80 trọng, tr. 245; năm 1117, 80 trọng, tr. 258; năm 1122, 80 trọng, tr. 262; năm 1142, 80 trọng, tr. 286; năm 1145, 80trọng, tr. 288, năm 1146, 60 trọng, tr. 289; năm 1150, 80 trọng, tr. 292; *Việt sử lược* năm 1071, 80 trọng, tr. 61; *Hiến chương*, cuốn 33, *Hình luật chí*, tr. 3b-4b. *Việt sử lược*, năm 1071, 80 trọng, tr. 61; năm 1148, 80 trọng, tr. 74; năm 1157, 80 trọng, tr. 75; năm 1162, 80 trọng, tr. 76.

(38). *Toàn thư*, tr. 232.

(39). Ví dụ thực hiện cả trường hình và thích

mặc: *Toàn thư*, năm 1042, 100 trường, thích diện 50 chữ; 100 trường, thích diện 30 chữ, tr. 230; năm 1043, 100 trường, thích diện 20 chữ; 100 trường, thích diện 10 chữ; 100 trường, thích diện 50 chữ; 100 trường, thích diện 10 chữ, tr. 232-233; năm 1044, 80 trường thích diện, tr. 235; năm 1125, 100 trường, thích diện 50 chữ, tr. 265, *Hiến chương, Hình luật chí*, cuốn 33, tr. 3b-4b.

(40). *Toàn thư*, tr. 233.

(41). *Toàn thư*, tr. 232.

(42). *Toàn thư*, tr. 297; *Hiến chương*, cuốn 33, *Hình luật chí*, tr. 4b; *Việt sử lược*, tr. 76; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 48.

(43). Derk Bodde and Clarence Morris, *Law in Imperial China*, Harvard University Press, 1967, tr. 96-97; Niida Noboru, *Nghiên cứu lịch sử pháp chế Trung Quốc - hình pháp*, bản tiếng Nhật, Tokyo, 1959, tr. 95, 117-119. Katakura cho rằng thích diện là ảnh hưởng của nhà Tống, nhưng mặt khác lại chỉ ra phải chăng nó có quan hệ với phong tục sấm mình vốn có của Việt Nam, điều này là sai. Trong *Toàn thư*, Lý Nhân Tông Hội Tường Đại Khánh năm thứ 9 (1118) có bài báo viết nghiêm khắc cấm khắc lên chân, ngực của nô bộc ở Kinh thành. *Toàn thư*, tr. 260.

(44). *Toàn thư*, tr. 231.

(45). *Toàn thư*, năm 1268 (tr. 346) và năm 1292 (tr. 368).

(46). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222.

(47). Ví dụ về khao giáp: *Toàn thư*, năm 1117 (tr. 258), năm 1125 (tr. 265), năm 1150 (tr. 292); *Việt sử lược*, năm 1148 (tr. 74). Ví dụ về điển hoành: *Toàn thư*. Năm 1150 (tr. 292); *Việt sử lược*, năm 1148 (tr. 74), năm 1216 (tr. 96). Ví dụ về binh: *Việt sử lược*, năm 1216 (tr. 96). Ví dụ về tang thất phụ: *Toàn thư*, năm 1117 (tr. 258).

(48). *Toàn thư*, tr. 258.

(49). Giống với điển hoành còn có thuật ngữ là điển nhị, Katakura phân tích cả 2 từ này có cùng ý nghĩa. *Toàn thư*, năm 1150 (tr. 291); Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 51-54.

(50). Li Tana, *Nguyen Cochinchina: Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*, Cornell Southeast Asia Program, 1998, tr. 19-20.

(51). Các trường hợp sau đồng thời chịu trọng hình hay trọng hình và thích diện. *Toàn thư*, năm 1042 (tr. 230), năm 1117 (tr. 258), năm 1125 (tr. 265), năm 1142 (tr. 287), năm 1145 (tr. 288), năm 1150 (tr. 292).

(52). Niida, *Nghiên cứu lịch sử chế pháp Trung Quốc*, tr. 114-116; Sogabe shizuo, *Nghiên cứu lịch sử luật lệnh Trung Quốc*, bản tiếng Nhật, Tokyo, 1971, tr. 100-104.

(53). *Toàn thư*, tr. 291. Cáo chỉ Xã Nhật-Tảo ở gần Hà Nội hiện nay. *Đại Việt sử ký Toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, 1993, tr. 318, n. 4; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 52.

(54). *Việt sử lược*, tr. 73; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 53.

(55). *Toàn thư*, tr. 325; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 51-52.

(56). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 52.

(57). *Toàn thư*, năm 1283 (tr. 356), năm 1289 (tr. 366), năm 1377 (tr. 448), năm 1401 (tr. 480), năm 1405 (tr. 485). Năm 1401 và năm 1405 theo ý kiến của Katakura là đồ hình đã mô phỏng nguyên si chế độ của triều Trần hay chính quyền Hồ Quý Ly (1400-1407). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 111.

(58). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222.

(59). *Toàn thư*, tr. 233, 235.

(60). Trong *Việt sử lược*, không phải là năm 1150 mà là vào năm 1148 đã đưa đi ác thủy, có vẻ như viển ác xử trong *Toàn thư* là đúng. Anh Tông Hưng Long năm 17 (1309) của Triều Trần có dùng từ “ác thủy châu”. *Toàn thư*, tr. 291-292, 391. *Việt sử lược*, tr. 74.

(61). *Việt sử lược*, tr. 81.

- (62). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 55. Có một luận chứng rất xuất sắc của Sakurai Yumio và Taylor về việc Triều Lý chỉ là chính quyền địa phương của vùng đồng bằng sông Hồng. Sakurai Yumio, “Thí luận khai thác đồng bằng sông Hồng thời nhà Lý”, bản tiếng Nhật, in trong *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 18-2 (1980), tr. 271-314; Keith Taylor, *Authority and Legitimacy in 11th Century Vietnam*, tr. 139-176.
- (63). *Toàn thư*, tr. 390-391.
- (64). *Toàn thư*, năm 1388 (tr. 461), năm 1392 (tr. 468), năm 1405 (tr. 485).
- (65). *Toàn thư*, tr. 218, 291, 225.
- (66). *Việt sử lược*, tr. 56.
- (67). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 17-18.
- (68). Niida, *Nghiên cứu lịch sử chế pháp Trung Quốc*, tr. 155-156.
- (69). Niida, *Nghiên cứu lịch sử chế pháp Trung Quốc*, tr. 156-161; Bodde and Morris, *Law in Imperial China*, tr. 94-95.
- (70). *Toàn thư*, tr. 356; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 94-95.
- (71). *Toàn thư*, tr. 406-407. Ví dụ về lăng trí còn thấy cả vào thời thịnh trị của Hồ Hán Thương. *Toàn thư*, tr. 482.
- (72). *Toàn thư*, tr. 467. Ví dụ về những trăm hình khác. *Toàn thư*, năm 1189 (tr. 367), năm 1337 (tr. 418), năm 1381 (tr. 456), năm 1391 (tr. 466).
- (73). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222.
- (74). *Toàn thư*, tr. 231, 245.
- (75). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 50; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 37-38.
- (76). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 29.
- (77). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 98-100.
- (78). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 20-25.
- (79). *Toàn thư*, tr. 218; *Việt sử lược*, tr. 52.
- (80). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 34-35.
- (81). *Toàn thư*, tr. 231.
- (82). *Toàn thư*, tr. 323. Tham khảo một ví dụ khác nữa vào năm thứ 5 Thuận Tông Quang Thái (1392). *Toàn thư*, tr. 467; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 59, 103.
- (83). Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 218-237.
- (84). Chu Khứ Phi, *Lĩnh Ngoại Đại Đáp*, Beijing, 1985, cuốn 2, tr. 17; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 56-57; Niida, *Nghiên cứu lịch sử chế pháp Trung Quốc*, tr. 377.
- (85). Sogabe, *Nghiên cứu lịch sử luật lệnh Trung Quốc*, tr. 96; Niida, *Nghiên cứu lịch sử chế pháp Trung Quốc*, tr. 370-380.
- (86). Dẫn theo Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 58.
- (87). *Toàn thư*, tr. 344; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 15-16. Năm thứ 19 Trần Anh Tông Hưng Long (1311), Nhân Huệ Vương Khánh Dư đã định lập công đối, hoàng đế nổi giận và đã dọa “sẽ chặt tay”. *Toàn thư*, tr. 393.
- (88). *Toàn thư*, tr. 400.
- (89). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222.
- (90). *Toàn thư*, tr. 557; *Hiến chương*, cuốn 33, Hình luật chí, tr. 6a.
- (91). *Toàn thư*, tr. 1049.
- (92). *Toàn thư*, năm 1290 (tr. 368), năm 1291 (tr. 369), năm 1297 (tr. 378)..
- (93). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 257-258..
- (94). Hình phạt của *Đường luật* lưu hình cao nhất là 2,000 lý, so sánh với *Lê triều Hình luật* thì tượng phượng bình là loại thứ 2. Điều 459. *Đường*

luật điều 459; *Lê triều Hình luật* điều 263; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 159-160.

(95). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 300.

(96). *Toàn thư*, tr. 233.

(97). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222.

(98). *Toàn thư*, tr. 265; Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 262; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 97-98.

(99). *Toàn thư*, tr. 231.

(100). *Toàn thư*, tr. 231.

(101). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222; Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 98-99.

(102). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, tr. 222

(103). *Toàn thư*, tr. 399.

(104). Katakura cho rằng định luật về tội vu cáo của triều Trần đã được tham khảo trong *Đường luật* cũng như những pháp luật trước đó của Trung Quốc. Nhưng trong luật pháp triều Trần, khả năng tham khảo của những luật trước *Đường luật* rất mỏng manh. Katakura, *Luật pháp Việt Nam thời tiền cận đại*, tr. 104.

(105). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 276-277.

(106). *Toàn thư*, tr. 396

(107). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 277-278.

(108). *Toàn thư*, tr. 287; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 216-218.

(109). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The*

Le Code, vol. 2, tr. 174. Wada Masahiko, *Về hoàn quan của Tam Triều Việt Nam Lý, Trần, Lê*, bản tiếng Nhật, in trong *Kỷ yếu nghiên cứu ngôn ngữ văn hóa đại học Khánh Ưng*, 9, 1977, tr. 39-62.

(110). *Toàn thư*, tr. 231; Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 173

(111). *Toàn thư*, tr.275.

(112). *Toàn thư*, tr. 288.

(113). *Toàn thư*, tr. 292.

(114). *Toàn thư*, tr. 470.

(115). Nguyen Ngoc Huy and Ta Van Tai, *The Le Code*, vol. 2, tr. 169-170.

(116). *Toàn thư*, tr. 351.

(117). Nói về năm lên ngôi của Đinh Bộ Lĩnh, dựa vào những bài viết trong *Việt sử lược* và *Toàn thư*, có thể cho biết là năm 968. Nhưng dựa vào sử liệu Trung Quốc, học giả người Nhật Bản Kawahara Masahiro vào năm 1970 đã sửa là năm 966, từ đó trở đi, không những giới học giả Nhật Bản mà cả những học giả phương Tây như Keith Taylor cũng đã công nhận sự hợp lý của ý kiến này. Kawahara Masahiro, "Về niên đại tức vị của Đinh Bộ Lĩnh", bản tiếng Nhật, in trong *Kỷ yếu khoa Văn học trường Đại học Pháp Chính*, 15 (1970), tr. 29-46.

(118). *Toàn thư*, tr. 226-227; Lý Tế Xuyên, *Việt điện U linh Tập*, Saigon, 1960, tr. 75-76.

(119). Keith Taylor, *Authority and Legitimacy*, tr. 139-176.

(120). *Toàn thư*, tr. 334.

(121). Momoki Shiro, "Sơ cứu về lộ chế của Việt Nam thời nhà Trần", bản tiếng Nhật, in trong *Shilin*, 66-5, 1983, tr. 50-82.